

# BÁO CÁO

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG MYANMAR

### THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2012

#### I. TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG CỦA MYANMAR THÁNG 3 NĂM 2012

Tình hình giá cả hàng hóa tháng 3 năm 2012 so với tháng 2 năm 2012 như sau:

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 3/12	Tháng 2/12	Tháng 3/12	Tháng 2/12
	Tháng 3/12	Tháng 2/12	Tháng 3/12	Tháng 2/12				
Gạo	320	320	360	360	353	383		
Cà phê hạt	1.250	1.250	1.650	1.650				
Chè	1.400	1.400	1.850	1.850			2.120	2.120
Cao su	3.000	3.000	3.100	3.100	3.411	3.330		
Hạt tiêu	2.800	2.800	3.650	3.650				
Ngô vàng	200	200	255	255	277	284		
Lạc nhân	900	900	1.200	1.200				
Hạt vừng trắng	1.160	1.160	1.500	1.500	1.650	1.729		
Hạt vừng đen	900	900	1.180	1.180				
Đậu xanh	750	750	760	760	796	769		
Đậu tương	400	400	510	510				
Đậu đen	600	600	630	630	603	639		
Đậu đỏ	500	500	520	520	580	558		

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 3/12	Tháng 2/12	Tháng 3/12	Tháng 2/12
	Tháng 3/12	Tháng 2/12	Tháng 3/12	Tháng 2/12				
Hành	280	280	300	300	325	335		
Tôm hùm đen	2.000	2.000	2.900	2.900	4.755	2.950		
Cá biển đông lạnh	800	800	1.500	1.500	2.266	2.266		
Cua biển	1.700	1.700	3.600	3.600	4.270	4.254		
Thép thanh vằn	600	600	850	850				566
Phân bón (Urea)	360	360	380	380			270	297
Hạt nhựa	850	850	1.620	1.620			1.170	1.280
Bông nguyên liệu	700	700	1.100	1.100				
Đường	850	850	950	950				
Xi măng	120	120	155	155				86
Giấy	700	700	900	900			676	628
Gỗ Teak đã xẻ	1.600	1.600	1.800	1.800	1.510	1.501		

Đầu năm 2012, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Myanmar đã có xu hướng biến động thất thường: tháng 1 năm 2012 giảm khoảng 0,3% (- 0,3%)

so với tháng 12 năm 2011; So với tháng trước, tháng 2 năm 2012 tăng khoảng 0,7%; tháng 3 năm 2012 tăng khoảng 0,1%.

**Tính đến cuối tháng 3 năm 2012, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Myanmar tăng khoảng 0,1% so với cuối tháng 2 năm 2012.**

Tình hình biến động giá cả hàng hóa tiêu dùng trên thị trường trong nước Myanmar tháng 3 năm 2012 so với tháng 2 năm 2012 của một số mặt hàng chủ yếu cụ thể như sau:

**Các mặt hàng chủ yếu tăng giá:**

Không có mặt hàng chủ yếu nào tăng giá.

**Các mặt hàng chủ yếu không tăng giá:**

Gạo tăng giá 0%; Cà phê hạt tăng giá 0%; Chè tăng giá 0%; Cao su tăng giá 0%; Hạt tiêu tăng giá 0%; Ngô vàng tăng giá 0%; Lạc nhân tăng giá 0%; Hạt vừng trắng tăng giá 0%; Hạt vừng đen tăng giá 0%; Đậu xanh tăng giá 0%; Đậu tương tăng giá 0%; Đậu đen tăng giá 0%; Đậu đỏ tăng giá 0%; Hành tăng giá 0%; Tôm hùm đen tăng giá 0%; Cá biển đông lạnh tăng giá 0%; Cua biển tăng giá 0%; Thép thanh vân tăng giá 0%; Phân bón Urea tăng giá 0%; Hạt nhựa tăng giá 0%; Bông nguyên liệu tăng giá 0%; Đường tăng giá 0%; Ximăng tăng giá 0%; Giấy tăng giá 0%; Gỗ Teak đã xẻ tăng giá 0%.

**Các mặt hàng chủ yếu giảm giá:**

Không có mặt hàng chủ yếu nào giảm giá.

Như vậy, tình hình biến động giá cả hàng hóa tiêu dùng trên thị trường trong nước Myanmar tháng 3 năm 2012 so với tháng 2 năm 2012 của 25 mặt hàng chủ yếu thì 0 mặt hàng chủ yếu tăng giá, 25 mặt hàng chủ yếu không tăng giá và 0 mặt hàng chủ yếu giảm giá.

**Tính đến cuối tháng 3 năm 2012, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Myanmar tăng khoảng 0,5% so với cuối tháng 12 năm 2011.**

**Tình hình giá cả hàng hóa tháng 3 năm 2012 so với tháng 3 năm 2011 như sau:**

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 3/12	Tháng 3/11	Tháng 3/12	Tháng 3/11
	Tháng 3/12	Tháng 3/11	Tháng 3/12	Tháng 3/11				
Gạo	320	300	360	360	353	389		

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 3/12	Tháng 3/11	Tháng 3/12	Tháng 3/11
	Tháng 3/12	Tháng 3/11	Tháng 3/12	Tháng 3/11				
Cà phê hạt	1.250	1.200	1.650	1.650				1.560
Chè	1.400	1.300	1.850	1.800			2.120	
Cao su	3.000	3.000	3.100	3.700	3.411	4.101		
Hạt tiêu	2.800	2.700	3.650	3.500				
Ngô vàng	200	200	255	230	277	250		
Lạc nhân	900	850	1.200	1.150				
Hạt vừng trắng	1.160	1.160	1.500	1.350	1.650	1.665		
Hạt vừng đen	900	900	1.180	1.100				
Đậu xanh	750	950	760	1.100	796	980		
Đậu tương	400	400	510	510				
Đậu đen	600	700	630	820	603	905		
Đậu đỏ	500	700	520	755	580	785		
Hành	280	400	300	600	325			
Tôm hùm đen	2.000	2.000	2.900	3.000	4.755	3.226		
Cá biển đông lạnh	800	800	1.500	1.100	2.266	1.540		
Cua								

Hàng hóa	Giá trong nước (USD/Tấn)				Giá xuất khẩu trung bình (USD/Tấn)		Giá nhập khẩu trung bình (USD/Tấn)	
	Giá tối thiểu		Giá tối đa		Tháng 3/12	Tháng 3/11	Tháng 3/12	Tháng 3/11
	Tháng 3/12	Tháng 3/11	Tháng 3/12	Tháng 3/11				
biển	1.700	1.700	3.600	2.500	4.270	4.185		
Thép thanh vằn	600	600	850	800				440
Phân bón (Urea)	360	360	380	450			270	280
Hạt nhựa	850	850	1.620	1.650			1.170	1.071
Bông nguyên liệu	700	700	1.100	1.100				
Đường	850	850	950	1.000				
Xi măng	120	120	155	145				89
Giấy	700	700	900	950			676	610
Gỗ Teak đã xẻ	1.600	1.700	1.800	1.800	1.510	1.642		

## II. TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA MYANMAR THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2012

Theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar, Quý I năm 2012 Myanmar xuất khẩu hàng hóa **ước đạt 1.258 triệu USD, giảm 42%**; nhập khẩu hàng hóa **ước đạt 1.946 triệu USD, giảm 11,8%** so với cùng kỳ năm 2011.

Trong Quý I năm 2012, Myanmar xuất khẩu hàng hóa tới 54 thị trường và nhập khẩu hàng hóa từ 85 thị trường trên thế giới.

Những nhóm hàng xuất - nhập khẩu chủ yếu của Myanmar trong tháng 3 và Quý I năm 2012 ước đạt như sau:

Đơn vị tính: Triệu USD

Số Thứ tự	Hàng hóa	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
		Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012	Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012
I	Động vật sống, thịt các loại	88,2	227,0	5,4	18,0
II	Nông sản	113,7	304,5	5,9	14,5
III	Dầu mỡ động, thực vật			18,5	64,3
IV	Thực phẩm chế biến; rượu bia, nước giải khát; thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá	2,1	4,9	9,9	29,5
V	Khoáng sản các loại	2,4	6,7	161,8	499,3
VI	Hóa chất			33,8	100,3
VII	Chất dẻo và đồ nhựa; cao su và sản phẩm cao su	24,4	67,9	39,4	112,6
VIII	Da nguyên liệu và sản phẩm da; lông thú và sản phẩm lông thú; hàng lưu niệm; túi xách và valy	0,6	1,5	1,0	3,3
IX	Gỗ và sản phẩm gỗ; than củi; bần và nút bần; sản phẩm làm bằng rơm; rổ rá	69,5	201,0	0,4	1,1
X	Bột giấy và nguyên liệu làm giấy; giấy, bìa và bao bì các tông các loại		0,1	36,5	79,9
XI	Dệt may	44,7	134,2		27,1
XII	Giày dép, mũ, ô dù; gậy, ghế, roi, yên, cương làm bằng da; lông vũ; hoa giả; tóc giả	5,1	14,5	0,7	2,1
XIII	Sản phẩm đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica; đồ gốm; kính và sản phẩm thủy tinh			6,2	17,2
XIV	Ngọc, đá quý, kim loại quý; quần áo gắn đá quý và kim loại quý; đồ trang				

Số Thứ tự	Hàng hóa	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
		Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012	Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012
	sức; tiền làm bằng kim loại quý	86,7	246,3		
XV	Kim loại và sản phẩm làm từ kim loại	5,1	25,8	38,6	311,3
XVI	Máy móc và thiết bị cơ khí; đồ điện; phụ tùng; đồ điện tử và linh kiện	0,1	0,4	83,3	305,4
XVII	Ôtô, máy bay, tàu thủy và thiết bị giao thông vận tải			82,8	299,2
XVIII	Thiết bị quang học; máy chụp ảnh; máy đo lường, kiểm tra; dụng cụ y tế; đồng hồ các loại; nhạc cụ; các loại phụ tùng	1,1	3,2	3,6	13,8
XIX	Hàng hóa khác	0,2	0,6	4,9	15,0
XX	Tác phẩm nghệ thuật; bộ sưu tập; đồ cổ	0,1	0,4	10,3	32,1
XXI	Hàng hóa khác: hàng hóa xô số; hàng thể thao; hàng hóa triển lãm; tài sản cá nhân; hàng mẫu	4,0	19,0		
	<b>Tổng số</b>	<b>448,0</b>	<b>1.258,0</b>	<b>543,0</b>	<b>1.946,0</b>

### III. KẾ HOẠCH HỢP TÁC KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - CÔNG NGHIỆP GIỮA VIỆT NAM VÀ MYANMAR NĂM 2012

Trong năm 2012 kế hoạch hợp tác kinh tế - thương mại - công nghiệp giữa hai nước Việt Nam và Myanmar sẽ triển khai trên các lĩnh vực sau đây:

- Tổ chức một số hội thảo giao thương giữa doanh nhân Việt Nam và Myanmar tại thành phố Yangon.
- Tổ chức Hội chợ hàng Việt Nam 2012 tại thành phố Yangon.
- Một số tập đoàn, tổng công ty, công ty của Việt Nam triển khai kế hoạch đầu tư và phát triển thương mại, du lịch tại thị trường Myanmar.

Theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar, Quý I năm 2012 kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Myanmar **ước đạt 45 triệu USD, tăng 17,8%** so với cùng kỳ năm 2011 (Việt Nam xuất khẩu hàng hóa **ước đạt 20 triệu USD, tăng 16,8%** và nhập khẩu hàng hóa **ước đạt 25 triệu USD, tăng 18,6%** so với cùng kỳ năm 2011).

Trong Quý I năm 2012, Việt Nam là nhà xuất khẩu hàng hóa tới Myanmar đứng thứ 12; sau các nước và vùng lãnh thổ: Singapore, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Thái Lan, Hàn Quốc, Malaysia, Ấn Độ, Ả rập Xê út, Australia, Việt Nam.

Những mặt hàng chủ yếu mà Việt Nam xuất khẩu tới Myanmar là:

Thép các loại, nguyên - phụ liệu may mặc, Màn chống muỗi, phân bón hóa học, vật liệu xây dựng, thiết bị điện, xăm lốp các loại, văn phòng phẩm, tấm lợp bằng nhựa và chất dẻo nguyên liệu, thuốc trừ sâu, nguyên - phụ liệu các ngành công nghiệp khác, thực phẩm chế biến, hóa chất, phụ tùng máy móc, thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế, mỹ phẩm, máy tính và linh kiện máy tính, nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, ốc quy,...

**Ước Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của Việt Nam tới Myanmar tháng 3 và Quý I năm 2012:**

Đơn vị tính: USD

Hàng hóa	Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012	Ghi chú
Thép các loại	1.500.000	5.000.000	
Nguyên – phụ liệu may mặc	500.000	1.500.000	
Màn chống muỗi	1.500.000	1.500.000	
Phân bón hóa học	300.000	1.000.000	
Vật liệu xây dựng	300.000	1.000.000	
Thiết bị điện	250.000	800.000	
Xăm lốp các loại	200.000	600.000	
Văn phòng phẩm	200.000	600.000	
Tấm lợp bằng nhựa và chất dẻo nguyên liệu	100.000	500.000	
Thuốc trừ sâu	100.000	400.000	
Nguyên – phụ liệu các ngành công nghiệp khác	200.000	400.000	
Thực phẩm chế biến	50.000	300.000	
Hóa chất	50.000	300.000	
Phụ tùng máy móc	100.000	300.000	
Thuốc chữa bệnh và thiết bị y tế	100.000	200.000	



Hàng hóa	Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012	Ghi chú
Mỹ phẩm	100.000	200.000	
Máy tính và linh kiện máy tính	50.000	150.000	
Nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm	50.000	100.000	
Ấc quy		40.000	
<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>			
Theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar	<b>7.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	
Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan Việt Nam	<b>7.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	

Trong Quý I năm 2012, Việt Nam là nhà nhập khẩu hàng hóa từ Myanmar đứng thứ 8; sau các nước và vùng lãnh thổ: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan, Việt Nam.

Những mặt hàng chủ yếu mà Việt Nam nhập khẩu từ Myanmar là:

Nông sản (đậu xanh, đậu đen, ngô vàng, đậu đỏ, hạt vừng,...); Cao su nguyên liệu; Đồng nguyên liệu; Gỗ và lâm sản (gỗ tròn các loại, gỗ Teak tròn, gỗ cao su, gỗ xẻ các loại,...); Thủy sản (tôm hùm, cá biển đông lạnh, cá khô, nhuyễn thể các loại, cua biển sống,...); Kim khâu; Da bò;...

**Ước Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam từ Myanmar tháng 3 và Quý I năm 2012:**

Đơn vị tính: USD

Hàng hóa	Ước tháng 3 năm 2012	Ước Quý I năm 2012	Ghi chú
Đậu xanh	5.000.000	11.000.000	
Cao su nguyên liệu	2.000.000	4.000.000	
Đồng nguyên liệu	1.500.000	3.000.000	
Gỗ tròn các loại	500.000	2.500.000	
Đậu đen	500.000	1.500.000	
Đậu các loại	800.000	800.000	
Tôm hùm	100.000	600.000	
Ngô vàng	150.000	300.000	
Hạt vừng	300.000	300.000	
Đậu đỏ	50.000	200.000	
Kim khâu	170.000	200.000	

<b>Hàng hóa</b>	<b>Ước tháng 3 năm 2012</b>	<b>Ước Quý I năm 2012</b>	<b>Ghi chú</b>
Cá biển đông lạnh	160.000	200.000	
Da bò	50.000	150.000	
Cá khô	50.000	100.000	
<b>Tổng kim ngạch nhập khẩu</b>			
Theo số liệu của Cục Hải quan Myanmar	<b>12.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	
Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan Việt Nam	<b>12.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	